

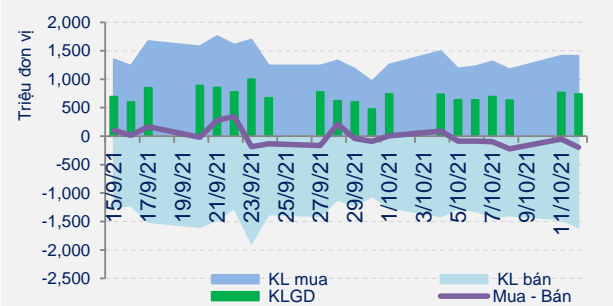
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/10/2021

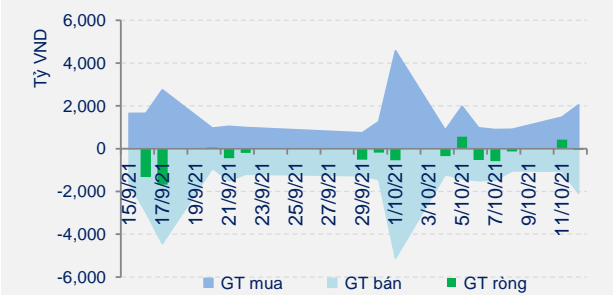
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,394.80	375.68
% Thay đổi	↑ 0.05%	↑ 0.36%
KLGD (CP)	742,905,129	106,902,258
GTGD (tỷ đồng)	22,205.42	2,483.87
Tổng cung (CP)	1,610,630,600	172,203,400
Tổng cầu (CP)	1,413,719,500	153,488,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	44,203,449	1,141,400
KL mua (CP)	41,393,149	691,702
GT mua (tỷ đồng)	2,047.89	25.01
GT bán (tỷ đồng)	2,087.34	37.29
GT ròng (tỷ đồng)	(39.46)	(12.27)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.29%	24.8	4.0	2.8%
Công nghiệp	↑ 0.45%	19.9	3.0	11.3%
Dầu khí	↑ 0.92%	17.8	2.0	4.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.44%	-	5.4	4.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.41%	17.9	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.25%	21.5	4.3	7.6%
Ngân hàng	↓ -0.11%	11.6	2.4	17.9%
Nguyên vật liệu	↑ 0.10%	14.0	3.0	18.3%
Tài chính	↑ 0.27%	18.0	3.4	29.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.12%	17.1	3.1	3.3%
VN - Index	↑ 0.05%	17.1	3.0	
HNX - Index	↑ 0.36%	21.9	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm phiên thứ bảy liên tiếp với thanh khoản trên mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 0,71 điểm (+0,05%) lên 1.394,8 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 184 mã tăng, 58 mã tham chiếu, 231 mã giảm. HNX-Index tăng 1,34 điểm (+0,36%) lên 375,68 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 113 mã tăng, 62 mã tham chiếu, 124 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn xấp xỉ so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 813 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 22.708 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu ngân hàng có sự phân hoá trong phiên hôm nay với các cổ phiếu giảm hoặc tham chiếu như ACB, CTG (-0,6%), MBB (-0,2%), VCB (-0,5%), TPB (-0,9%), VPB (-0,3%)... và các cổ phiếu thuộc nhóm tăng như STB (+0,4%), OCB (+0,4%), BID (+0,6%), BVB (+1,4%), VIB (+1,3%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán có phiên giao dịch không mấy tích cực khi phần lớn các mã đều giảm như SSI (-1,2%), VCI (-0,6%), VND (-0,8%), SHS (-1,8%), HCM (-1,3%), ORS (-3,1%), MBS (-0,9%)... Nhóm thép với các mã như HPG (-0,3%), POM (-1,7%), TIS (-3,4%), TLH (-0,9%), TVN (-2,2%), VGS (-3,2%)... cũng đóng cửa trong sắc đỏ. Trong nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn, BVH (-0,2%), GAS (-0,4%), FPT (-0,2%), MSN (-1%), HPG (-0,3%), HVN (-1,1%)... đều giảm đã thu hẹp mức tăng của thị trường chung. Ở chiều ngược lại, nhóm bất động sản, xây dựng với CTD (+0,1%), DIG (+3,6%), DXG (+0,5%), FCN (+2,6%), HDC (+6,5%), HDG (+3,8%), NTL (+4,3%), SCR (+0,8%)... và dầu khí với PVD (+3,8%), PVB (+1,8%), PVC (+3,2%), PVS (+2,5%), BSR (+4,1%), POW (+2,4%)... thu hút dòng tiền và tăng khá tốt trong phiên hôm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (+0,05%) có phiên tăng điểm thứ bảy liên tiếp và đây cũng là phiên thứ hai liên tiếp mà thanh khoản khớp lệnh vượt lên trên mức trung bình 20 phiên. Điều này cho thấy dòng tiền đang có sự quay trở lại thị trường nhưng kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là bên mua và bên bán đang giằng co khá quyết liệt ở vùng giá hiện tại. Tuy nhiên, với việc tiếp tục đóng cửa trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm thì VN-Index đang có cơ hội để tiếp tục đi lên ngưỡng tâm lý 1.400 điểm trong đợt này. Khối ngoại bán ròng nhẹ hơn 50 tỷ đồng trên hai sàn và không gây ảnh hưởng nhiều lên thị trường chung. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 13/10, VN-Index có thể tiếp tục tăng để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/10/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.400,78 điểm. Cũng có thời điểm, chỉ số điều chỉnh nhẹ xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.389,43 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 0,71 điểm (+0,05%) lên 1.394,8 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 1.000 đồng, MWG tăng 2.600 đồng, DGC tăng 8.200 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB giảm 500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 378,31 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,34 điểm (+0,36%) lên 375,68 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NVB tăng 1.000 đồng, PVS tăng 700 đồng, BAB tăng 200 đồng. Ở chiều ngược lại, IDC giảm 3.800 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 39,46 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,8 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 119,5 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là GMD với 54,2 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FMC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 270,3 tỷ đồng tương ứng với 5,4 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,31 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 450 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 20,3 tỷ đồng tương ứng với 537 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 4,8 tỷ đồng tương ứng với 164 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 10,2 tỷ đồng tương ứng với 222 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index có phiên tăng điểm thứ bảy liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên. Kết hợp với mẫu hình nến hôm nay thì có thể thấy là bên mua và bên bán đang giằng co khá quyết liệt tại vùng giá hiện tại.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Sóng hồi b sau đó cũng đã kết thúc vào ngày 20/8 khi VN-Index (-3,3%) giảm mạnh và xuyên thủng hỗ trợ MA20 và MA50.

Và hiện tại là sóng điều chỉnh c với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.180 điểm (sóng c = sóng a = 200 điểm).

Với phiên tăng điểm ngày 11/10 đã giúp cho VN-Index vượt qua được vùng kháng cự trong khoảng 1.375-1.380 điểm qua đó mở ra dư địa tăng tiếp theo đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 13/10, VN-Index có thể tiếp tục tăng để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

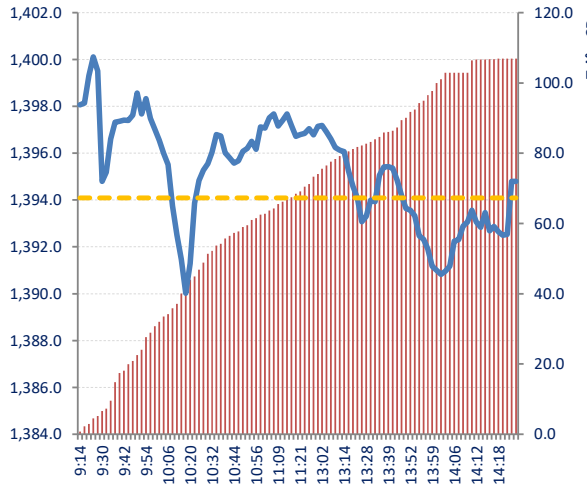
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,5 - 58 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 12/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.174 VND/USD, tăng 4 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

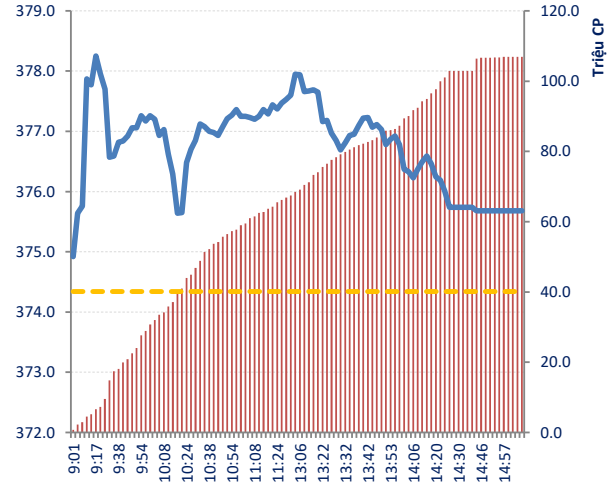
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 3,65 USD/ounce tương ứng với 0,21% lên 1.759,4 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,016 điểm tương ứng 0,02% xuống 94,310 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1558 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3609 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,34 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,15 USD/thùng tương ứng với 0,21% lên 80,69 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/10, Dow Jones giảm 250,19 điểm tương đương 0,72% xuống 34.496,06 điểm. Nasdaq giảm 93,34 điểm tương đương 0,64% xuống 14.486,2 điểm. Nasdaq Composite giảm 30,15 điểm tương đương 0,69% xuống 4.361,19 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

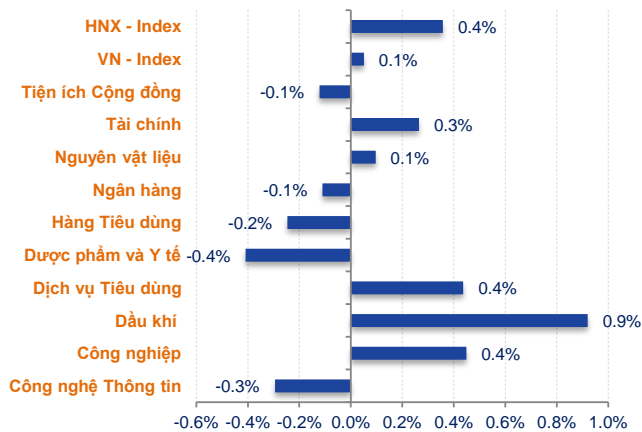
KLGD và VN-Index trong phiên



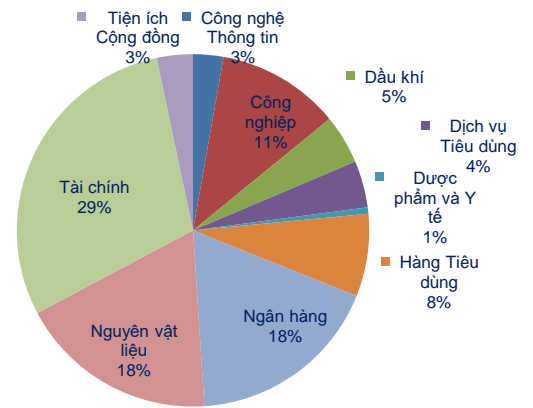
KLGD và HNX-Index trong phiên



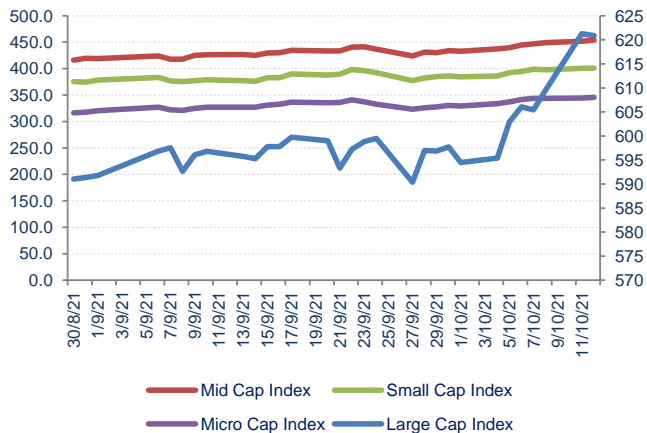
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



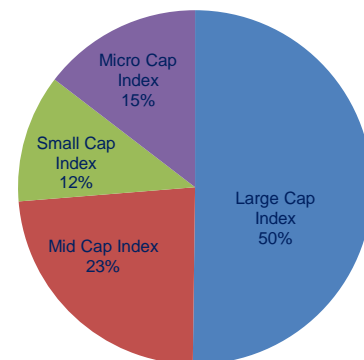
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FMC	5,406,200	HPG	2,091,700
2	VRE	2,644,700	POW	1,544,500
3	MBB	1,423,600	SHB	1,432,700
4	STB	927,100	GVR	1,170,700
5	DXG	791,200	GMD	1,074,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	221,900	SHS	536,600
2	KLF	63,300	PVS	163,600
3	MBG	50,400	KVC	45,400
4	ACM	22,700	MBS	38,900
5	PVG	22,300	NBC	25,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	30.30	30.20	↓ -0.33%	38,137,700
FLC	12.15	12.45	↑ 2.47%	34,905,200
POW	12.40	12.70	↑ 2.42%	22,239,000
HPG	57.20	57.00	↓ -0.35%	19,229,600
MBB	28.80	28.75	↓ -0.17%	16,399,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	28.50	29.20	↑ 2.46%	13,811,125
IDC	54.40	50.60	↓ -6.99%	6,765,540
NDN	21.80	22.20	↑ 1.83%	4,748,257
KLF	4.90	4.80	↓ -2.04%	4,108,368
SHS	38.20	37.50	↓ -1.83%	4,044,486

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCT	30.90	33.05	2.15	↑ 6.96%
LGC	48.55	51.90	3.35	↑ 6.90%
CLW	27.50	29.40	1.90	↑ 6.91%
HAR	5.80	6.20	0.40	↑ 6.90%
VSI	19.80	21.15	1.35	↑ 6.82%

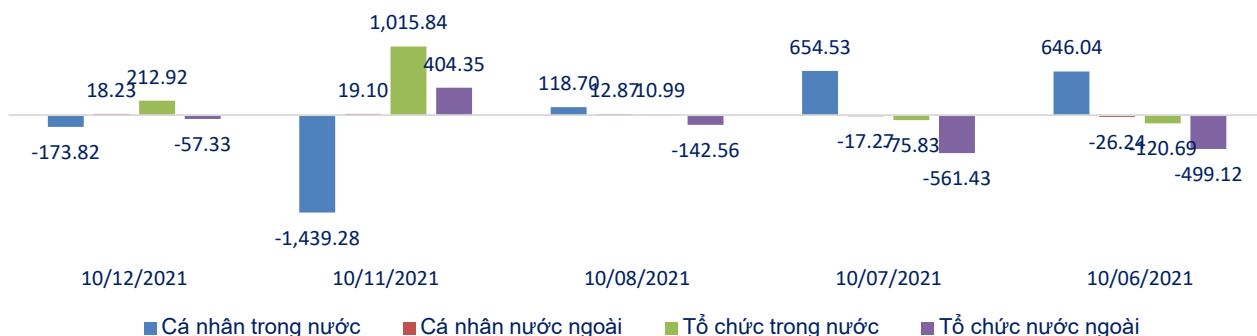
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NSH	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
DTD	34.00	37.40	3.40	↑ 10.00%
NRC	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
KSF	62.10	68.30	6.20	↑ 9.98%
VKC	12.10	13.30	1.20	↑ 9.92%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVC	82.00	76.30	-5.70	↓ -6.95%
HRC	61.20	57.00	-4.20	↓ -6.86%
TGG	30.65	28.55	-2.10	↓ -6.85%
NBB	40.90	38.10	-2.80	↓ -6.85%
VFG	54.00	50.50	-3.50	↓ -6.48%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLM	40.10	36.10	-4.00	↓ -9.98%
PHN	42.20	38.00	-4.20	↓ -9.95%
VNT	62.10	56.10	-6.00	↓ -9.66%
THS	26.50	24.00	-2.50	↓ -9.43%
SDU	11.00	10.00	-1.00	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	102.60	39.5%	5,614	10.2	3.5
DCM	81.73	11.6%	1,431	20.6	2.3
SHB	75.35	15.7%	2,045	14.8	2.2
GMD	74.35	6.5%	1,461	34.9	2.2
ITC	46.69	7.3%	1,758	9.4	0.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FMC	-270.62	19.7%	4,477	11.2	2.0
MBB	-109.01	20.1%	2,772	10.4	1.9
VHM	-85.14	36.9%	7,777	10.4	3.5
VRE	-70.76	9.2%	1,195	25.5	2.3
FLC	-63.92	15.4%	2,364	5.1	0.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	18.99	10.2%	1,307	28.9	2.9
HPG	12.31	39.5%	5,614	10.2	3.5
ROS	3.29	3.1%	326	17.6	0.5
PVD	3.17	0.0%	2	13,647.8	0.7
VOS	2.71	26.7%	1,095	19.8	4.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-6.99	15.4%	2,364	5.1	0.9
FTS	-2.52	22.7%	3,588	17.2	3.5
DGW	-2.33	31.5%	4,387	26.4	7.3
VIX	-1.64	37.3%	4,459	4.1	1.5
TDH	-1.29	5.3%	1,149	9.2	0.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	72.65	36.9%	7,777	10.4	3.5
FLC	70.05	15.4%	2,364	5.1	0.9
MBB	67.71	20.1%	2,772	10.4	1.9
SZC	39.15	19.3%	2,498	21.4	4.0
TCB	37.32	21.0%	4,613	11.5	2.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	-84.20	11.6%	1,431	20.6	2.3
ITC	-47.83	7.3%	1,758	9.4	0.7
HSG	-35.62	48.3%	7,818	6.1	2.4
SHB	-32.69	15.7%	2,045	14.8	2.2
DIG	-28.93	14.4%	1,630	20.6	2.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FMC	270.31	19.7%	4,477	11.2	2.0
VRE	82.18	9.2%	1,195	25.5	2.3
MBB	41.17	20.1%	2,772	10.4	1.9
GAS	30.98	16.3%	4,178	26.9	4.5
STB	25.80	11.8%	1,904	13.9	1.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-131.86	39.5%	5,614	10.2	3.5
GVR	-63.29	10.2%	1,307	28.9	2.9
GMD	-54.15	6.5%	1,461	34.9	2.2
VNM	-52.16	31.9%	5,109	17.6	5.5
NLG	-44.27	13.2%	3,763	11.6	1.3



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	38,137,700	15.7%	2,045	14.8	2.2
FLC	34,905,200	3250.0%	2,364	5.1	0.9
POW	22,239,000	7.5%	1,006	12.3	0.9
HPG	19,229,600	39.5%	5,614	10.2	3.5
MBB	16,399,900	20.1%	2,772	10.4	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	13,811,125	4.4%	1,187	24.0	1.1
IDC	6,765,540	11.3%	1,683	32.3	3.5
NDN	4,748,257	39.3%	5,275	4.1	1.7
KLF	4,108,368	0.0%	4	1,196.2	0.5
SHS	4,044,486	30.8%	4,223	9.0	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TCT	↑ 7.0%	1.9%	484	63.8	1.3
LGC	↑ 6.9%	7.3%	1,708	28.4	2.0
CLW	↑ 6.9%	12.9%	2,180	12.6	1.7
HAR	↑ 6.9%	0.1%	6	988.5	0.5
VSI	↑ 6.8%	13.0%	2,017	9.8	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NSH	↑ 10.0%	3.7%	433	39.3	1.5
DTD	↑ 10.0%	16.4%	3,734	9.1	1.4
NRC	↑ 10.0%	-1.7%	(255)	-	1.9
KSF	↑ 10.0%	8.8%	786	79.0	3.1
VKC	↑ 9.9%	1.3%	163	74.0	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
FMC	5,406,200	19.7%	4,477	11.2	2.0
VRE	2,644,700	9.2%	1,195	25.5	2.3
MBB	1,423,600	20.1%	2,772	10.4	1.9
STB	927,100	11.8%	1,904	13.9	1.6
DXG	791,200	8.7%	1,487	14.5	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	221,900	11.0%	3,581	13.1	1.4
KLF	63,300	0.0%	4	1,196.2	0.5
MBG	50,400	2.4%	247	41.2	1.0
ACM	22,700	0.0%	2	1,531.7	0.5
PVG	22,300	3.9%	515	34.0	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	361,616	20.6%	5,533	17.6	3.4
VHM	352,704	36.9%	7,777	10.4	3.5
VIC	349,699	4.5%	1,600	57.5	2.4
HPG	255,851	39.5%	5,614	10.2	3.5
GAS	215,319	16.3%	4,178	26.9	4.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,010	33.9%	6,555	34.9	14.0
VCS	20,480	42.1%	10,726	11.9	4.8
KSF	18,630	8.8%	786	79.0	3.1
BAB	16,720	7.8%	876	25.3	1.9
IDC	16,320	11.3%	1,683	32.3	3.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.64	22.7%	3,588	17.2	3.5
VDS	2.28	31.0%	3,666	9.1	2.4
IJC	2.26	25.8%	3,971	7.2	1.9
BSI	2.20	17.7%	2,241	14.2	2.3
FIT	2.06	3.4%	543	21.9	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HBS	3.33	1.2%	140	82.6	1.0
APS	3.21	22.8%	1,953	12.9	2.4
ART	2.91	0.3%	32	322.7	0.9
MBS	2.83	17.0%	1,989	17.0	3.0
PSI	2.63	2.9%	300	43.3	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
